

LOOKING BACK

(SGK tiếng Anh 11 trang 16)

PRONUNCIATION

1. Listen and repeat the questions paying attention to the rising intonation.

(Nghe và lặp lại các câu hỏi, chú ý đến ngữ điệu lên.)

1. Do you know that global warming is increasing?

(Bạn có biết hiện tượng nóng lên toàn cầu đang gia tăng không?)

2. Did you turn off the light before you left home?

(Bạn có tắt đèn trước khi bạn rời nhà không?)

3. Can we really reduce the carbon footprint of our homes?

(Chúng ta có thể giảm lượng carbon của gia đình không?)

4. Are you aware of the dangers of plastic bags on the environment?

(Bạn có nhận thức được mối nguy hại của túi ni lông với môi trường không?)

5. Have you seen the 'Young Voices for the Planet' films?

(Bạn đã xem phim Thanh niên góp tiếng nói để bảo vệ hành tinh xanh chưa?)

2. Listen and mark the rising intonation on the echo questions (↗). Then practise reading the exchanges.

(Nghe và đánh dấu ngữ điệu lên trong các câu hỏi lặp lại. Tập đọc các mẫu hội thoại dưới đây.)

Đáp án:

1. A: 'Plant for the Planet' helped plant 12 billion trees worldwide.

B: Twelve billion trees worldwide? ~

2. A: Even when turned off, electronic devices use energy.

B: Yes, they can still use energy. ~

3. A: Cutting down on energy use is the best way to help reduce global warming.

B: The best way to do what? ~

4. A: Global warming has catastrophic effects on humans.

B: Global warming has what on humans? ~

5. A: A single tree can absorb about one ton of carbon dioxide during its lifetime.

B: How long can a tree live?

Hướng dẫn dịch:

1. A: 'Trồng cây cho Hành tinh' đã giúp trồng 12 tỷ cây trên toàn thế giới.

B: Mười hai tỷ cây trên toàn thế giới?

2. A: Ngay cả khi tắt điện, các thiết bị điện tử sử dụng năng lượng.

B: Vâng, họ vẫn có thể sử dụng năng lượng.

3. A: Giảm sử dụng năng lượng là cách tốt nhất để giúp làm giảm sự ấm lên toàn cầu.

B: Cách tốt nhất để làm gì?

4. A: Sự nóng lên toàn cầu có những hậu quả nghiêm trọng với con người.

B: Nóng lên toàn cầu có hiệu quả gì nghiêm trọng với con người?

5. A: Một cây xanh có thể hấp thụ khoảng một tấn carbon dioxide trong suốt tuổi của nó.

B: Cây sống bao lâu?

VOCABULARY

Complete the sentences with the words in the box.

(Hoàn thành câu bằng cách điền vào chỗ trống những từ / cụm từ cho sẵn trong hộp.)

Đáp án:

1. energy use	5. absorb
2. extinction	6. deforestation
3. emissions	7. diversity
4. carbon footprint	8. catastrophic

1. I believe that the only way for us to reduce global warming is to cut down on energy use

(Tôi tin rằng cách duy nhất để chúng ta giảm sự nóng lên toàn cầu là giảm sử dụng năng lượng.)

2. Many species are threatened with extinction due to deforestation and loss of habitat.

(Nhiều loài đang bị đe dọa bởi sự tuyệt chủng do nạn phá rừng và mất môi trường sống.)

3. Motor vehicles running on petrol are responsible for a large amount of carbon dioxide emissions

(Các phương tiện chạy bằng xăng thải ra một lượng khí thải CO₂ lớn.)

4. There are many ways for us to reduce our carbon footprint in order to save our environment.

(Có rất nhiều cách để chúng ta giảm lượng khí thải carbon để tiết kiệm môi trường.)

5. More trees should be planted as they absorb carbon dioxide and give off oxygen.

(Cần trồng cây khác nhau vì chúng hấp thụ CO₂ và thải oxy.)

6. The alarming rate of deforestation results in damage to the quality of the land.

(Tỷ lệ báo động của nạn phá rừng làm giảm chất lượng đất đai.)

7. Rainforests have the highest species diversity on the earth.

(Rừng mưa nhiệt đới có sự đa dạng loài cao nhất trên trái đất.)

8. Global warming has proved truly catastrophic for the environment.

(Sự nóng lên toàn cầu đã chứng tỏ sự thảm khốc cho môi trường.)

GRAMMAR

1. Rewrite the sentences using perfect participles.

(Viết lại các câu sau, sử dụng Perfect participles.)

Gợi ý:

1. After the students had learnt about the benefits of recycling and reusing, they started collecting waste paper, bottles, and cans to recycle and reuse.

(Sau khi học sinh đã biết được lợi ích của tái chế và tái sử dụng, họ bắt đầu thu gom giấy, chai và lon để tái chế và tái sử dụng.)

=> Having learnt about the benefits of recycling and reusing, the students started collecting waste paper, bottles and cans to recycle and reuse.

(Tìm hiểu về những lợi ích của việc tái chế và tái sử dụng, học sinh bắt đầu thu gom giấy, chai lọ và thùng rác để tái sử dụng.)

2. Since Mai had refused Nam's offer of a lift in his car, she had to walk home.

(Vì Mai đã từ chối đề nghị của Nam lên xe của anh ấy, cô ấy đã phải đi bộ về nhà.)

=> Having refused Nam's offer of a lift in his car, Mai had to walk home.

(Từ chối lên xe của Nam, Mai phải đi bộ về nhà.)

3. After Ha had read some documents about Green Earth, she decided to join the organisation.

(Sau khi Hà đã đọc một số tài liệu về Trái đất Xanh, cô ấy quyết định tham gia tổ chức.)

=> Having read some documents about Green Earth, Ha decided to join the organisation.

(Đọc một số tài liệu về Trái Đất xanh, Hà quyết định tham gia tổ chức.)

4. Since the farmers used too much chemical fertiliser on their farm, they now have to drink polluted water.

(Do người nông dân sử dụng quá nhiều phân hoá học trong nông trại nên họ phải uống nước bị ô nhiễm.)

=> Having used too much chemical fertiliser on their farm, the farmers now have to drink I polluted water.

(Sử dụng quá nhiều phân hoá học trong nông trại của mình, bây giờ nông dân phải uống nước bị ô nhiễm.)

5. After she replaced all the light bulbs in her house with LED lights, she saved a lot of money on her electricity bills.

(Sau khi cô ấy thay thế tất cả các bóng đèn trong nhà của cô với đèn LED, cô ấy đã tiết kiệm rất nhiều tiền trên hóa đơn điện của cô.)

=> Having replaced all the light bulbs in the house with LED lights, she saved a lot of I money on her electricity bills.

(Thay thế tất cả các bóng đèn trong nhà bằng đèn LED, cô ấy đã tiết kiệm rất nhiều tiền trong hóa đơn điện.)

6. Since we have become too dependent on the use of electricity, we have to find alternative sources of energy before fossil fuels run out.

(Vì chúng ta đã trở nên quá phụ thuộc vào việc sử dụng điện, chúng ta phải tìm các nguồn năng lượng thay thế trước khi nhiên liệu hóa thạch bị cạn kiệt.)

=> Having become too dependent on the use of electricity, we have to find alternative sources of energy before fossil fuel runs out.

(Trở nên quá phụ thuộc vào việc sử dụng điện, chúng ta phải tìm các nguồn năng lượng thay thế trước khi nhiên liệu hóa thạch hết.)

2. Combine the sentences using perfect gerunds.

(Nối hai câu với nhau bằng Perfect gerunds.)

Gợi ý:

1. Tonya had dumped a lot of rubbish on the beach. She was strongly criticized for that.

(Tonya đã đổ rất nhiều rác trên bãi biển. Cô đã bị chỉ trích mạnh mẽ vì điều đó.)

=> Tonya was strongly criticized for having dumped a lot of rubbish on the beach.

(Tonya đã bị chỉ trích mạnh mẽ vì đã đổ rác nhiều ra bãi biển.)

2. Sam had not worked hard enough in his previous job. He regretted it.

(Sam đã không làm việc chăm chỉ cho công việc trước đây. Anh ấy hối hận.)

=> Sam regretted not having worked hard enough in his previous job.

(Sam hối hận vì đã không làm việc chăm chỉ cho công việc trước đây.)

3. Tony had rescued the kids from the fire. People admired him for that.

(Tony đã giải cứu lũ trẻ khỏi lửa. Mọi người ngưỡng mộ anh ta vì điều đó.)

=> People admired Tony for having rescued the kids from the fire.

(Mọi người ngưỡng mộ Tony vì đã giải cứu lũ trẻ khỏi lửa.)

4. I have seen him before. I remember that.

(Tôi đã từng gặp anh ấy trước đây. Tôi nhớ điều đó.)

=> I remember having seen him before.

(Tôi nhớ đã gặp anh ấy trước đây.)

5. 'You've lied to us,' the villagers said. The politician denied it.

('Bạn đã lừa dối chúng tôi,' dân làng nói. Nhà chính trị đã bác bỏ điều đó.)

=> The politician denied having lied to the villagers.

(Nhà chính trị đã phủ nhận việc lừa dối dân làng.)

6. Thanh had forgotten to turn off the gas cooker before he left his house. He admitted that.

(Thanh đã quên tắt bếp gas trước khi rời khỏi nhà. Anh ấy thừa nhận điều đó.)

=> Thanh admitted having forgotten to turn off the gas cooker before leaving the house/before he left his house.

(Thanh thừa nhận đã quên tắt bếp gas trước khi rời khỏi nhà.)

